

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-PT

Ngày 28 - 02 - 2020

“V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La Minh Tường

Các Thẩm phán: Ông Trần Hưng Bính

Ông Nguyễn Văn Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế: Bà Nguyễn Thị Phụng Anh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “ Hợp đồng góp vốn xe ô tô”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã Hương T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Phường Hòa M, quận Liên C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Ngô Thị N**, sinh năm 1971. Địa chỉ: Xã Thủy P, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê T, sinh năm 1979 (chồng bà N). Địa chỉ: Xã Thủy P, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị A trình bày: Vào ngày 22/10/2014 bà có góp vốn cùng với vợ chồng bà Ngô Thị N ông Lê T để mua chung xe ô tô khách 35 chỗ ngồi mang biển số UN 2124 của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào để kinh doanh chạy tuyến Lào - Việt Nam và ngược lại. Tiền mua xe là 350.000.000 đồng, trong đó bà A góp 180.000.000 đồng, số tiền còn lại do vợ chồng bà N và ông T góp, việc kinh doanh vận tải do vợ chồng bà N và ông T thực hiện;

Sau khi mua xe kinh doanh được một thời gian thì xe bị hư hỏng phải sửa chữa và tiếp tục chạy thêm 3 tháng thì dừng hẳn không kinh doanh nữa. Sau đó vào ngày 21/9/2015 giữa bà A với vợ chồng bà N, ông Thảo thống nhất bán chiếc xe ô tô cho bà Trần Thị H với số tiền 240.000.000 đồng. Bà H đã trả trước cho bà N số tiền 100.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 140.000.000 đồng. Bà N giao cho bà A số tiền 32.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi bà H mua xe ô tô để kinh doanh nhưng chưa trả đủ số tiền mua xe như thỏa thuận nên ông Lê T đã lấy xe ô tô về bán lại cho ông Lê Văn B với số tiền 55.000.000 đồng, nhưng không chia cho bà A.

Nay bà A yêu cầu vợ chồng bà N và ông T trả lại cho bà số tiền góp chung mua xe ban đầu là 180.000.000 đồng; bà A đã nhận 32.000.000 đồng. Số tiền còn lại 148.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà A rút một phần yêu cầu khởi kiện là 60.000.000 đồng, còn lại yêu cầu vợ chồng bà N và ông T trả số tiền góp tiền mua xe là 88.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi.

Bị đơn - bà Ngô Thị N và ông Lê T (chồng bà N) cùng thống nhất trình bày: Bà N ông T công nhận quá trình góp vốn mua xe chung như bà A đã trình bày. Tuy nhiên ông bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà A vì cho rằng quá trình làm ăn chung giữa các bên có lợi nhuận thì chia chung nhưng lúc thua lỗ thì cũng phải chịu chung. Đối với số tiền 55.000.000 đồng bán xe cho ông Lê Văn B thì vợ chồng ông bà chưa chia cho bà A nên ông bà chỉ đồng ý chia số tiền này cho bà A.

Tại bản án sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Hương T đã quyết định:

Căn cứ Điều 26; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 121, 169, 170, 255 và 256 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A đối với số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A; buộc vợ chồng bà Ngô Thị N và ông Lê T phải trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 88.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án, theo quy định pháp luật.

Ngày 14/11/2019 bà Ngô Thị N có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A đối với số tiền 88.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu và cho rằng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng, không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, ông Lê T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà Ngô Thị N, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Thực tế bà Nguyễn Thị A với vợ chồng bà Ngô Thị N và ông Lê T cùng đầu tư góp vốn để mua xe chiếc ô tô biển số UN 2124 của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào được xác định là tài sản chung theo phần của các bên đương sự. Số tiền bà A góp vốn 180.000.000 đồng/350.000.000 đồng tương đương với tỷ lệ 51,42% giá trị chiếc xe ô tô.

Trong quá trình kinh doanh vận tải bị thua lỗ, đến năm 2015 các bên đương sự đã thỏa thuận thống nhất bán chiếc xe nói trên cho bà Trần Thị H với số tiền là 240.000.000 đồng, trong đó: Các bên đương sự xác định chia cho mỗi bên đương sự là 120.000.000 đồng. Sau khi bà H chuyển 100.000.000 đồng thì vợ chồng bà N và ông T đã thanh toán cho bà A số tiền 32.000.000 đồng, còn lại 88.000.000 đồng do bà H chưa trả nên chưa thanh toán cho bà A.

Sau đó do bà H vi phạm hợp đồng do chậm thanh toán nên vợ chồng bà N ông T lấy lại chiếc xe và tự mình bán cho ông Lê Văn B khi chưa có sự đồng ý thống nhất của bà A là vi phạm quyền định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung theo quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự năm 2005. Nay bà A yêu cầu vợ chồng bà N ông T phải trả tiếp cho bà A số tiền 88.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Hương T đã nhận xét và buộc vợ chồng bà N ông T phải tiếp tục trả cho bà A số tiền 88.000.000 đồng là đảm bảo, đúng pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể thỏa mãn yêu cầu kháng cáo của bà N được mà giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tại phiên tòa là có căn cứ.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Ngô Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Hương T.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A; buộc vợ chồng bà Ngô Thị N và ông Lê T phải trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 88.000.000 đồng.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị N phải chịu 300.000 đồng. Bà N đã nộp đủ 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu số 005443 ngày 03/12/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Hương T nên nay được khấu trừ, khỏi phải nộp.

3. Các phần khác tại quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- TAND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THA thị xã Hương Thủy;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ, Tòa DS, Tổ HC-TP.

Đã ký

La Minh Tường